

Số: 1439/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế nâng bậc lương
thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ,
công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07/3/2012; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các đơn vị thuộc Bộ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 848/QĐ-BXD ngày 31/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy định về chế độ việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, xếp và nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. S

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Hồng Hà

QUY CHẾ

Nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1439/QĐ-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự thủ tục và thẩm quyền quyết định việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.

2. Người lao động của các đơn vị thuộc Bộ làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và được xếp lương theo bảng lương nhân viên thừa hành, phục vụ quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

Điều 3. Những nguyên tắc chung trong thực hiện việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn

Việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Điều 2 của Quy chế này phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm tính chính xác, công bằng, dân chủ, công khai; bảo vệ quyền lợi chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động;

2. Tuân thủ các quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08/2013/TT-BNV); và các quy định cụ thể tại Quy chế này.

Chương II CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên

Điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên, thời gian được tính hoặc không được tính vào thời gian xét nâng bậc lương thường xuyên, thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên, việc tính lại các chế độ về nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, viên chức, người lao động được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 08/2013/TT-BNV, như sau:

1. Điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh:

a) Thời gian giữ bậc để xét nâng bậc lương thường xuyên:

- Đối với chức danh chuyên gia cao cấp: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong bảng lương chuyên gia cao cấp, thì sau 5 năm (đủ 60 tháng) giữ bậc lương trong bảng lương chuyên gia cao cấp được xét nâng một bậc lương;

- Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 3 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương;

- Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống và nhân viên thừa hành, phục vụ: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 2 năm (đủ 24 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương.

b) Các trường hợp được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên, gồm:

- Thời gian nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động;

- Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (trong thời gian giữ bậc) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước, ở nước ngoài (bao gồm cả thời gian đi theo chế độ phu nhân, phu quân theo quy định của Chính phủ) nhưng vẫn trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.

c) Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên, gồm:

- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương;

- Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định;

- Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam và các loại thời gian không làm việc khác ngoài quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Tổng các loại thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên quy định tại Điểm này (nếu có) được tính tròn tháng, nếu có thời gian lẻ không tròn tháng thì được tính như sau: Dưới 11 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ hằng tuần và ngày nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động) thì không tính; từ 11 ngày làm việc trở lên tính bằng 01 tháng.

2. Tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên:

Đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh quy định tại Khoản 1 Điều này và qua đánh giá đạt đủ 02 tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương thì được nâng một bậc lương thường xuyên:

a) Đối với cán bộ, công chức:

- Tiêu chuẩn 1: Được cấp có thẩm quyền đánh giá từ mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực trở lên;

- Tiêu chuẩn 2: Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức.

b) Đối với viên chức và người lao động:

- Tiêu chuẩn 1: Được cấp có thẩm quyền đánh giá từ mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

- Tiêu chuẩn 2: Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

3. Thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên:

Trong thời gian giữ bậc lương hiện giữ, nếu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã có thông báo hoặc quyết định bằng văn bản của cấp có thẩm quyền là không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm hoặc bị kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức thì bị kéo dài thời gian tính nâng bậc lương thường xuyên so với thời gian quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này như sau:

a) Kéo dài 12 tháng (một năm) đối với các trường hợp:

- Cán bộ bị kỷ luật cách chức;

- Công chức bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức;

- Viên chức và người lao động bị kỷ luật cách chức.

b) Kéo dài 06 (sáu) tháng đối với các trường hợp:

- Cán bộ, công chức bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo;

- Viên chức và người lao động bị kỷ luật cảnh cáo;

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm; trường hợp trong thời gian giữ bậc có 02 năm

không liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì mỗi năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao bị kéo dài 06 (sáu) tháng.

c) Kéo dài 03 (ba) tháng đối với viên chức và người lao động bị kỷ luật khiển trách.

d) Trường hợp vừa không hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này.

đ) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động là đảng viên bị kỷ luật Đảng thì thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 2 Quy định số 181-QĐ/TW ngày 30 tháng 3 năm 2013 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm. Việc kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên được căn cứ vào hình thức xử lý kỷ luật do cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền là oan, sai sau khi bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam, bị kỷ luật (khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức) thì thời gian này được tính lại các chế độ về nâng bậc lương thường xuyên như sau:

a) Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam do oan, sai được tính lại vào thời gian để xét nâng bậc lương;

b) Không thực hiện kéo dài thời gian xét nâng bậc lương đối với các hình thức kỷ luật do oan, sai;

c) Được truy lĩnh tiền lương, truy nộp bảo hiểm xã hội (bao gồm cả phần bảo hiểm xã hội do cơ quan, đơn vị đóng) theo các bậc lương đã được tính lại.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định nâng bậc lương thường xuyên

1. Đối với công chức, viên chức, người lao động trong các đơn vị hành chính thuộc cơ quan Bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo cấp Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ; công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương;

b) Thứ trưởng - Chủ tịch Hội đồng lương quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo cấp Phòng thuộc Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương;

c) Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ (được Bộ trưởng ủy quyền) quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với các chức danh công chức ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống của cơ quan Bộ;

d) Cục trưởng các Cục, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với những người làm việc theo chế độ hợp đồng của đơn vị.

2. Đối với công chức, viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ:

a) Thủ trưởng được phân công phụ trách quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với các chức danh cán bộ, công chức thuộc diện Bộ quản lý, bao gồm: Cấp trưởng, Cấp phó đơn vị sự nghiệp, Kế toán trưởng;

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với các chức danh viên chức, người lao động thuộc diện đơn vị quản lý.

Điều 6. Trình tự thủ tục nâng bậc lương thường xuyên

Việc nâng bậc lương thường xuyên được thực hiện làm 4 đợt trong một năm, vào các tháng thứ hai của mỗi quý; đợt nâng bậc lương thường xuyên của quý nào thì xét nâng bậc lương cho những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên trong quý đó và tiến hành theo trình tự sau:

1. Người đứng đầu bộ phận được giao phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị tập hợp danh sách công chức, viên chức, người lao động đủ điều kiện thời gian nâng bậc lương thường xuyên trong quý kèm theo trích ngang tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ trong thời gian giữ bậc lương cũ, báo cáo Hội đồng lương của đơn vị.

2. Hội đồng lương của đơn vị họp để xem xét, đánh giá tiêu chuẩn nâng bậc lương thường đối với từng công chức, viên chức, người lao động; lập danh sách những người đạt đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên.

3. Căn cứ kết quả xét nâng bậc lương thường xuyên của Hội đồng lương, Thủ trưởng đơn vị trình Bộ trưởng quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền nâng bậc lương đối với những công chức đạt đủ điều kiện, tiêu chuẩn; thời hạn trình Bộ trước ngày 15 tháng thứ hai của quý.

Danh sách đề nghị nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, viên chức, người lao động lập theo mẫu biểu số 1 ban hành kèm theo Quy chế này.

4. Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của các đơn vị, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ tập hợp danh sách công chức, viên chức, người lao động thuộc diện Bộ quyết định nâng bậc lương thường xuyên, sau khi lấy ý kiến trao đổi, thống nhất với Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ trình lãnh đạo Bộ quyết định hoặc quyết định theo phân cấp.

Chương III

CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 7. Điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

Công chức, viên chức và người lao động quy định tại Điều 2 Quy chế này đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 2 và điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2013/TT-BNV thì được xét nâng một (01) bậc lương trước thời hạn tối đa là 12 tháng so với thời gian giữ bậc để

xét nâng bậc lương thường xuyên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 08/2013/TT-BNV.

Công chức, viên chức, người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hiện giữ, thì sẽ được xem xét nâng một bậc lương trước thời hạn khi đạt đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

1. Trong thời gian giữ bậc lương cũ có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, được các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng, tôn vinh, đánh giá, công nhận bằng các hình thức sau:

- a) Anh hùng Lao động;
- b) Huân chương các loại;
- c) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của các cơ quan Đảng, đoàn thể;
- d) Chiến sĩ thi đua các cấp;
- đ) Giải thưởng cao quý, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, giải thưởng khoa học công nghệ Quốc tế, giải thưởng khoa học công nghệ VIFOTEC;
- e) Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký và công nhận ở trong và ngoài nước.

2. Hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm theo quy định của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách trở lên trong suốt thời gian giữ bậc lương cũ.

3. Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh và tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn tối đa là 12 tháng.

4. Không thực hiện hai lần nâng bậc lương trước thời hạn trong khoảng thời gian giữ một bậc lương theo quy định nâng bậc lương thường xuyên.

Điều 8. Thời gian nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

1. Thời gian nâng bậc lương trước thời hạn được áp dụng tùy thuộc vào cấp độ lập thành tích xuất sắc của công chức, viên chức, người lao động, gồm có ba mức: 12 tháng, 09 tháng và 06 tháng.

2. Áp dụng thời gian nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng đối với công chức, viên chức, người lao động lập thành tích xuất sắc ở một trong các cấp độ sau:

- a) Được tặng thưởng Huân chương (các hạng);
- b) Được tặng thưởng danh hiệu vinh dự Nhà nước (Anh hùng Lao động, nhà giáo nhân dân; nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú);
- c) Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước;
- d) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

- e) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;
- g) Chiến sĩ thi đua cấp Bộ;
- h) Hai năm (lần) liên tục được tặng bằng khen của Bộ trưởng;
- i) Ba năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

3. Áp dụng thời gian nâng bậc lương trước thời hạn 09 tháng đối với công chức, viên chức, người lao động lập thành tích xuất sắc ở một trong các cấp độ sau:

- a) Một năm Được tặng bằng khen của Bộ trưởng;
- b) Hai năm liên tục đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở;
- c) Hai năm liên tục được tặng Bằng khen tương đương cấp Bộ của các tổ chức đảng, đoàn thể.

4. Áp dụng thời gian nâng bậc lương trước thời hạn 06 tháng đối với công chức, viên chức, người lao động lập thành tích xuất sắc ở một trong các cấp độ sau:

- a) Một năm đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở;
- b) Một năm được tặng Bằng khen tương đương cấp Bộ của các tổ chức đảng, đoàn thể.

Điều 9. Đầu mỗi thực hiện việc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

1. Đối với các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, đầu mỗi xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ là Hội đồng lương cơ quan Bộ.

2. Mỗi đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Bộ là một đầu mỗi xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức, người lao động của đơn vị mình lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ. Hội đồng xét nâng bậc lương thường xuyên cũng là Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn của đơn vị.

Điều 10. Chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

1. Tỷ lệ nâng bậc lương trước thời hạn:

Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ trong một năm không quá 10% tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị. Danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền giao biên chế (đối với cán bộ, công chức) hoặc phê duyệt số lượng người làm việc (đối với viên chức và người lao động) tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn.

2. Tiêu chuẩn xét nâng bậc lương trước thời hạn:

Tiêu chuẩn, cấp độ về lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và thời gian được nâng bậc lương trước thời hạn tương ứng với từng cấp độ thành tích khác nhau của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do

người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trao đổi với cấp ủy và Ban Chấp hành công đoàn cùng cấp quy định cụ thể trong Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn của cơ quan, đơn vị. Căn cứ vào quy định này, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc diện được xét nâng bậc lương trước thời hạn hằng năm do tập thể bình chọn, nhưng mỗi năm không quá 10% tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.

Điều 11. Nguyên tắc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

1. Việc nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chỉ xét mỗi năm một lần vào tháng 11, cùng với đợt xét nâng bậc lương thường xuyên của quý IV.

2. Xác định thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc:

2.1. Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn được xác định theo thời điểm ban hành quyết định công nhận thành tích đạt được trong khoảng thời gian 06 năm gần nhất đối với các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên và 04 năm gần nhất đối với các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn.

2.2. Đối với trường hợp đã được nâng bậc lương trước thời hạn thì tất cả các thành tích đạt được trước ngày có quyết định nâng bậc lương trước thời hạn trong khoảng thời gian (6 năm hoặc 4 năm) quy định tại Khoản 1 Điều này không được tính để xét nâng bậc lương trước thời hạn cho lần sau.

2.3. Xét hết diện có cấp độ thành tích được nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng mới xét đến diện có cấp độ thành tích được nâng bậc lương trước thời hạn 09 tháng và sau đó là 06 tháng, lần lượt cho đến hết chỉ tiêu cuối cùng. Trong mỗi mức thời gian, thứ tự ưu tiên xếp theo thứ tự cấp độ thành tích xuất sắc quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 9 của Quy chế này.

2.4. Nếu có từ 02 công chức, viên chức, người lao động trở lên ngang nhau về cấp độ thành tích ở chỉ tiêu cuối cùng thì thứ tự ưu tiên như sau:

a) Công chức, viên chức, người lao động trong thời gian giữ bậc lương cũ, ngoài thành tích cao nhất được khen thưởng, công nhận để làm căn cứ xét nêu trên, còn có thành tích được khen thưởng, công nhận ở mức thấp hơn;

b) Công chức, viên chức, người lao động kiêm nhiệm công tác Đảng, đoàn thể;

c) Công chức, viên chức, người lao động có tuổi từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ;

d) Công chức, viên chức, người lao động ở các ngạch có hệ số lương thấp.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

1. Đối với cán bộ, công chức trong các đơn vị thuộc cơ quan Bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với các chức danh cán bộ, công chức xếp ngạch lương chuyên viên cao cấp và tương đương sau khi có ý kiến thoả thuận của Bộ Nội vụ; quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức lãnh đạo cấp Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ xếp ngạch lương chuyên viên chính và tương đương trở xuống;

b) Thủ trưởng được phân công quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với các chức danh cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống, trừ trường hợp các đối tượng quy định tại điểm a khoản này.

2. Đối với công chức, viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cấp trưởng, cấp phó, kế toán trưởng, viên chức của đơn vị sự nghiệp xếp ngạch lương chuyên viên cao cấp và tương đương sau khi có ý kiến thoả thuận của Bộ Nội vụ;

b) Thủ trưởng được phân công quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cấp trưởng, cấp phó, kế toán trưởng đơn vị sự nghiệp xếp ngạch lương chuyên viên chính và tương đương trở xuống;

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với các chức danh viên chức, người lao động thuộc diện đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thoả thuận của Vụ Tổ chức cán bộ.

Điều 13. Trình tự thủ tục nâng bậc lương trước thời hạn của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

1. Tháng 11 hàng năm, người đứng đầu bộ phận được giao phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị tập hợp danh sách công chức, viên chức, người lao động đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn (quy định tại Điều 8 của Quy chế này) kèm theo trích ngang tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ và các thành tích xuất sắc trong thời gian giữ bậc lương cũ, báo cáo Hội đồng lương của đơn vị.

2. Hội đồng lương của đơn vị họp để xem xét, đánh giá đối với từng công chức, viên chức, người lao động; lập danh sách những người đạt đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn với số lượng không được vượt quá chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn trong năm và thông báo công khai trong toàn đơn vị.

Sau thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo công khai, nếu không có kiến nghị, thắc mắc thì Hội đồng lương báo cáo Thủ trưởng đơn vị; trường hợp có kiến nghị, thắc mắc, Hội đồng lương phải xem xét, giải quyết trước khi báo cáo Thủ trưởng đơn vị.

3. Căn cứ kết quả xét nâng bậc lương trước thời hạn của Hội đồng lương, Thủ trưởng đơn vị lập Tờ trình kèm theo danh sách công chức, viên chức, người lao động đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn có kèm bản sao các quyết định khen thưởng, công nhận thành tích xuất sắc của công chức, viên chức, trình Bộ quyết định, thoả thuận; thời hạn trình Bộ trước ngày 15 tháng 11. Danh sách đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức, người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ lập theo mẫu biểu số 2 ban hành kèm theo Quy chế này.

4. Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Tờ trình của các đơn vị, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ tập hợp, trình Bộ trưởng quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức thuộc diện Bộ quản lý; thoả thuận để Thủ trưởng đơn vị quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động thuộc diện đơn vị quản lý. Trường hợp cán bộ, công chức xếp ngạch lương chuyên viên cao cấp và tương đương, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trình Bộ trưởng văn bản thoả thuận với Bộ Nội vụ, sau đó trình Bộ trưởng quyết định khi đã có thoả thuận đồng ý của Bộ Nội vụ.

5. Thủ trưởng đơn vị quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động thuộc diện đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thoả thuận bằng văn bản của Vụ Tổ chức cán bộ.

Điều 14. Trình tự thủ tục nâng bậc lương trước thời hạn của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

1. Tháng 11 hàng năm, các đơn vị lập danh sách công chức, viên chức, người lao động đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn kèm theo trích ngang tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ và các thành tích xuất sắc trong thời gian giữ bậc lương cũ, gửi về Vụ Tổ chức cán bộ trước ngày 15 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn cơ quan Bộ.

2. Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn cơ quan Bộ họp để xem xét, đánh giá đối với từng công chức, viên chức, người lao động; lập danh sách những người đạt đủ điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn với số lượng không được vượt quá chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn trong năm và thông báo công khai trong toàn cơ quan Bộ.

Sau thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo công khai, nếu không có kiến nghị, thắc mắc thì Vụ Tổ chức cán bộ báo cáo lãnh đạo Bộ về kết quả xét nâng bậc lương trước thời hạn; trường hợp có kiến nghị, thắc mắc, Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn cơ quan Bộ phải xem xét, giải quyết trước khi Vụ Tổ chức cán bộ báo cáo lãnh đạo Bộ.

3. Căn cứ kết quả xét nâng bậc lương trước thời hạn của Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn cơ quan Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trình lãnh đạo Bộ quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức xếp ngạch lương chuyên viên chính và tương đương trở xuống; trình Bộ trưởng văn bản thoả thuận ý kiến với Bộ Nội vụ, sau đó trình Bộ trưởng quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức

xếp ngạch lương chuyên viên cao cấp và tương đương khi đã có thoả thuận đồng ý của Bộ Nội vụ.

Điều 15. Nội dung, thể thức quyết định nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

Trong quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức, người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, ngoài việc phải bảo đảm các quy định hiện hành về nội dung, thể thức văn bản, còn phải ghi rõ căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền khen thưởng, công nhận thành tích xuất sắc của công chức, viên chức, người lao động đó. Bản sao quyết định này được lưu cùng với quyết định nâng bậc lương trước thời hạn của công chức, viên chức, người lao động.

Chương IV

CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÃ CÓ THÔNG BÁO NGHỈ HƯU

Điều 16. Điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn đã có thông báo nghỉ hưu

Công chức, viên chức và người lao động chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, đã có thông báo nghỉ hưu, trong thời gian giữ bậc lương cũ hoàn thành nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật và kể từ ngày có thông báo nghỉ hưu đến trước ngày nghỉ hưu còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được nâng một (01) bậc lương trước thời hạn 12 tháng so với thời gian quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 08/2013/TT-BNV.

Điều 17. Trình tự thủ tục và thẩm quyền quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đã có thông báo nghỉ hưu

Trình tự thủ tục và thẩm quyền quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức, người lao động đã có thông báo nghỉ hưu thực hiện tương tự như nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, viên chức, người lao động. Danh sách đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức, người lao động đã có thông báo nghỉ hưu lập cùng với danh sách đề nghị nâng bậc lương thường xuyên theo mẫu biểu số 1 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 18. Nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đồng thời đã có thông báo nghỉ hưu

Trường hợp công chức, viên chức, người lao động vừa thuộc đối tượng được xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, vừa thuộc đối tượng được xét nâng bậc lương trước thời hạn khi có thông báo nghỉ hưu, thì được chọn một trong hai chế độ nâng bậc lương trước thời hạn có lợi hơn theo quy định tại Quy chế này.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng để hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng có trách nhiệm thực hiện Quy chế này và báo cáo lãnh đạo Bộ kết quả việc thực hiện hàng năm theo quy định (thông qua Vụ Tổ chức cán bộ để tổng hợp).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh hoặc có nội dung chưa hợp lý cần phải sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Vụ Tổ chức cán bộ để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Hồng Hà

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ NÂNG BẬC LƯƠNG QUÝ NĂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1139/QĐ-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức có mặt ở cơ quan, đơn vị tại thời điểm báo cáo: người;

Trong đó:

- Số người được đề nghị nâng bậc lương thường xuyên ở cơ quan, đơn vị trong quý: người;
- Số người được đề nghị nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung ở cơ quan, đơn vị trong quý: người.
- Số người được đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn do đã có thông báo nghỉ hưu ở cơ quan, đơn vị trong quý: người;

Số thứ tự	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/ Chức danh	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện hưởng					Đề nghị nâng lên mức lương mới					
		Nam	Nữ		Ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ	Hệ số lương ở bậc hiện hưởng	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ngạch (mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc trong năm (1.000đ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I Công chức, viên chức, người lao động được nâng bậc lương thường xuyên															
1															
2															
II Công chức, viên chức, người lao động được nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung															
1															
2															
III Công chức, viên chức, người lao động đã có thông báo nghỉ hưu được nâng bậc lương trước thời hạn															
1															
2															
...															
Cộng (I+II+III)															

Người lập
(Ký tên)

....., ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột số 5 ghi rõ trình độ chuyên môn, chức danh (ví dụ: Thạc sĩ Luật, Trưởng phòng Tổng hợp).
- Cột số 6 và cột 12 ghi chức danh hoặc mã số trong ngạch (trong đó cột 12 chỉ ghi khi có chuyển ngạch tương đương với ngạch hiện giữ).
- Cột 8 và cột 13 ghi hệ số lương cơ bản theo ngạch, bậc hiện hưởng; trường hợp đã được hưởng thâm niên vượt khung thì ghi hệ số lương cơ bản + số % thâm niên vượt khung (ví dụ: 4,98+5%).
- Cột 16 được tính theo số tháng hưởng chênh lệch giữ bậc lương mới được nâng bậc so với bậc lương cũ trong năm.

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN TRONG NĂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1139/QĐ-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan, đơn vị có mặt tại thời điểm báo cáo: người;

Trong đó:

1. Chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ ở cơ quan, đơn vị trong năm: người;
2. Số cán bộ, công chức, viên chức được đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ ở cơ quan, đơn vị trong năm: người.

Số thứ tự	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Chức danh/ Trình độ chuyên môn	Thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện hưởng					Đề nghị nâng lên mức lương mới					
		Nam	Nữ			Ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ	Hệ số lương ở bậc hiện hưởng	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ngạch (mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc trong năm (1.000đ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Công chức, viên chức ở ngạch chuyên viên cao cấp và ở các ngạch, chức danh tương đương (đề xuất cấp trên quyết định)															
1																
2																
II	Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (đề xuất cấp trên quyết định)															
1																
2																
III	Viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị															
1																
2																
...																

Người lập
(Ký tên)

....., ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột số 6 ghi rõ các thành tích theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp theo các nội dung: Thành tích, cấp quyết định, năm, số quyết định, ngày quyết định (kèm theo các ban sao quyết định).
- Cột số 7 và cột 12 ghi chức danh hoặc mã số trong ngạch (trong đó cột 12 chỉ ghi khi có chuyển ngạch tương đương với ngạch hiện giữ).
- Cột 17 được tính theo số tháng hưởng chênh lệch giữa bậc lương mới được nâng bậc so với bậc lương cũ trong năm.